

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 4 năm 2026

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 4 năm 2026)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% Phụ cấp TNVK	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐ N	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Nghỉ việc không được hưởng lương và các khoản PC	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
														Trích vào CP (17,5%)	Trích vào CP (3%)	Trích vào CP (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	18	19	21	23	26	D
1	Trần Quang Hải	V.08.01.02	5,76	0,4	0,2				60%	3,70	10,06	23.531.040	10.636	2.522.520	432.432	144.144	22.006.891	P 0,5 ngày
2	Nguyễn Tam Hùng	V.08.03.07	4,06		0,2		15%	0,61	60%	2,80	7,67	17.948.736	21.273	1.911.956	327.764	109.255	16.780.289	P 1 ngày
3	Trần Văn Bé	V.08.03.07	4,06				10%	0,41	40%	1,79	6,25	14.630.616	0	1.828.827	313.513	104.504	13.533.320	
4	Phạm Văn Khương	V.08.01.03	4,65					0,00	40%	1,86	6,51	15.233.400	0	1.904.175	326.430	108.810	14.090.895	
5	Nguyễn Thị Tuyết Lan	V.08.04.10	3,66					0,00	40%	1,46	5,12	11.990.160	0	1.498.770	256.932	85.644	11.090.898	
6	Võ Văn Minh	V.08.04.10	3,99		0,2			0,00	60%	2,39	6,58	15.406.560	42.545	1.633.905	280.098	93.366	14.383.672	P 2 ngày
7	Lâm Thị Thiệt	V.08.05.13	3,96		0,2			0,00	60%	2,38	6,54	15.294.240	0	1.621.620	277.992	92.664	14.321.268	
8	Nguyễn Thị Hương	V.05.02.08	3,65					0,00	0%	0,00	3,65	8.541.000	0	1.494.675	256.230	85.410	7.644.195	
9	Huỳnh Thị Bông	V.08.03.07	2,67		0,2			0,00	60%	1,60	4,47	10.464.480	0	1.093.365	187.434	62.478	9.808.461	
10	Nguyễn Thanh Hậu	V.08.04.10	2,67		0,2			0,00	60%	1,60	4,47	10.464.480	0	1.093.365	187.434	62.478	9.808.461	
11	Trương Việt Nhân	V.08.01.03	3,00	0,3	0,2			0,00	60%	1,98	5,48	12.823.200	127.636	1.351.350	231.660	77.220	11.884.755	H 5 ngày, P 1 ngày
12	Trần Thị Yến	V.08.02.06	3,00		0,4			0,00	70%	2,10	5,50	12.870.000	85.091	1.228.500	210.600	70.200	12.047.809	P 2 ngày
13	Trương Thị Linh Huệ	V.08.06.16	3,00					0,00	40%	1,20	4,20	9.828.000	0	1.228.500	210.600	70.200	9.090.900	
14	Nguyễn Thị Bích Nga	V08.05.12	3,66					0,00	40%	1,46	5,12	11.990.160	0	1.498.770	256.932	85.644	11.090.898	
15	Cao Văn Cảnh	V08.05.13	3,03		0,2			0,00	60%	1,82	5,05	11.812.320	10.636	1.240.785	212.706	70.902	11.057.213	P 0,5 ngày
16	Hứa Thị Thanh	V.08.02.06	2,67		0,4			0,00	70%	1,87	4,94	11.557.260	0	1.093.365	187.434	62.478	10.901.241	
17	Nguyễn Thị Út Linh	V.08.05.12	3,33					0,00	40%	1,33	4,66	10.909.080	0	1.363.635	233.766	77.922	10.090.899	
18	Trần Thị Ánh Tuyết	V08.05.12	2,34					0,00	40%	0,94	3,28	7.665.840	0	958.230	164.268	54.756	7.090.902	

19	Nguyễn Thị Hồng	V.08.05.12	2,67					0,00	40%	1,07	3,74	8.746.920	0	1.093.365	187.434	62.478	8.090.901	
20	Nguyễn Văn Thi	V.08.04.10	2,67					0,00	40%	1,07	3,74	8.746.920	0	1.093.365	187.434	62.478	8.090.901	
21	Trần Thị Hồng Nữ	V.08.03.07	2,86					0,00	40%	1,14	4,00	9.369.360	0	1.171.170	200.772	66.924	8.666.658	
Tổng cộng			71,36	0,7	2,4	0		1,02		35,56	111,04	259.823.772	297.817	29.924.213	5.129.865	1.709.955	241.571.427	

Tổng số tiền bằng chữ : Hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng chẵn.